

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Thị trường có phiên giảm điểm mạnh trên cả 2 sàn

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Cả 4 HĐTL đều giảm điểm

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

BSR, PVI

[Cập Nhật Công Ty]

HPG: Sản lượng thép xây dựng tháng 12

[KBSV Danh Mục Đầu Tư]

Thêm: PVD, Bớt: GMD

[Quan điểm đầu tư]

Khuyến nghị trải thêm tỷ trọng

06/01/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	955.79	-0.97
VN30	872.34	-1.24
HĐTL VN30	872.00	-0.85
HNXIndex	101.23	-1.13
HNX30	177.77	-0.66
UPCoM	55.88	-1.36
USD/VNĐ	VND23,177	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.22	-17
Lãi suất qua đêm (%)	1.74	+4
Dầu (WTI, \$)	63.05	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,576.93	+1.59



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 955.79 (-0.97%)
KLGD (triệu CP) 141.0 (-5.5%)
GTGD (triệu US\$) 147.4 (+13.8%)

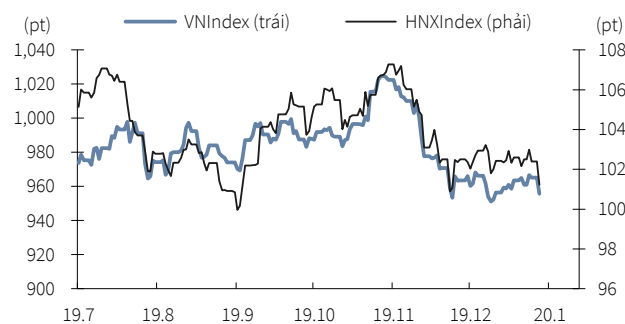
HNXIndex 101.23 (-1.13%)
KLGD (triệu CP) 24.5 (+12.2%)
GTGD (triệu US\$) 12.2 (+13.4%)

UPCoM 55.88 (-1.36%)
KLGD (triệu CP) 10.1 (+6.5%)
GTGD (triệu US\$) 4.8 (+26.0%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +1.0

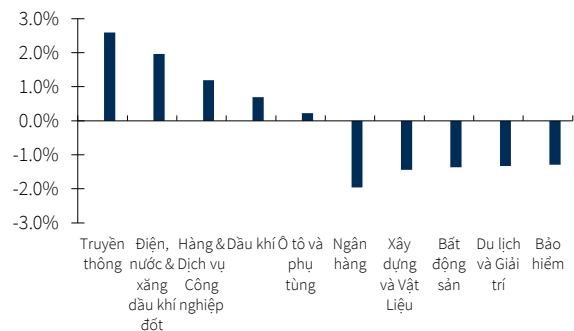
Thị trường có phiên giảm điểm mạnh trên cả 2 sàn do chịu tác động tiêu cực từ diễn biến điều chỉnh của TTCK toàn cầu trước lo ngại xung đột Mỹ - Iran leo thang. Thanh khoản thị trường tiếp tục duy trì ở mức thấp và độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về số mã giảm điểm. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có diễn biến tiêu cực hơn so với thị trường chung với VHM, VCB, MSN... giảm mạnh. Xét riêng trong rổ cổ phiếu VN30 chỉ có duy nhất 3 mã tăng điểm (CTG, EIB, GAS). Nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh với các mã giảm sàn như ROS, KLF, HAR... Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhẹ, tập trung ở HPG, E1FVN30, MSN...

VN Index & HNX Index



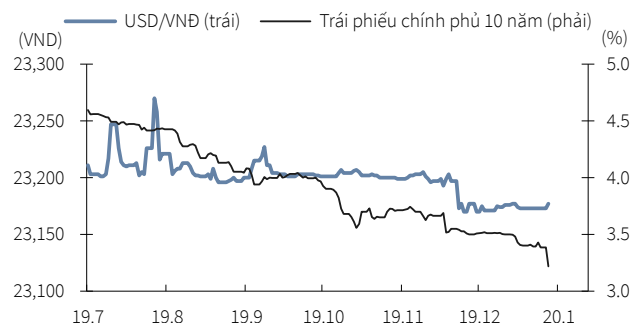
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



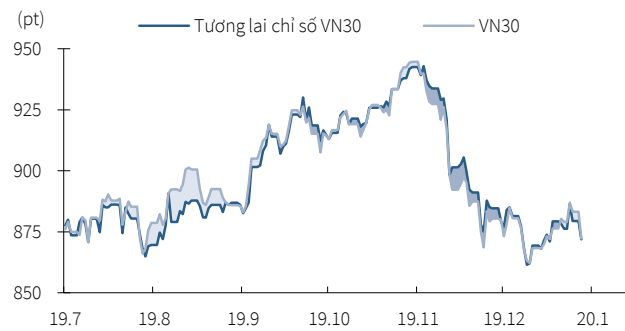
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	872.34 (-1.24%)
VN30 tương lai	872.0 (-0.85%)
Mở cửa	877.5
Cao nhất	883.5
Thấp nhất	871.6
Hợp đồng	84,175 (+19.0%)
KL HĐ mở OI	N/A

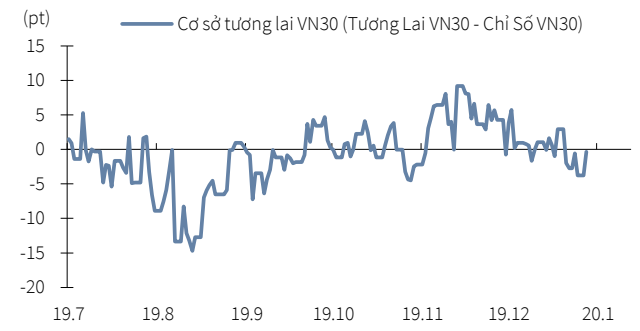
Cả 4 HĐTL đều giảm điểm trong phiên hôm nay, phù hợp với diễn biến giảm của chỉ số VN30 Index. Đáng chú ý, chênh lệch của HĐ F2001 với chỉ số VN30 Index tiếp tục ở mức âm, dù biên độ đã thu hẹp đáng kể xuống -0.34 điểm. Thanh khoản trên thị trường phái sinh tăng tương đối mạnh, diễn biến thường thấy ở các phiên thị trường cơ sở điều chỉnh sâu do một phần dòng tiền đã dịch chuyển sang thị trường phái sinh tìm kiếm lợi nhuận. Khối lượng đặt mua và đặt bán trên thị trường phái sinh cũng tăng tương ứng với khối lượng đặt bán có phần chiếm ưu thế. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng nhẹ ở F2001.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



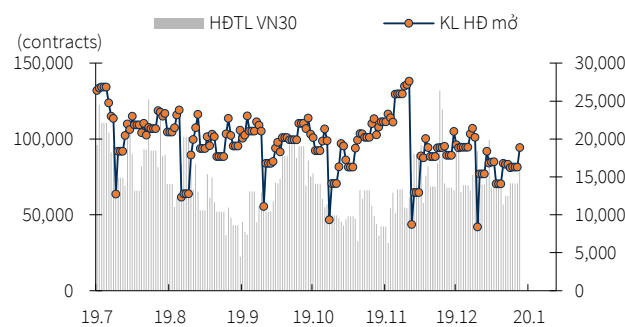
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



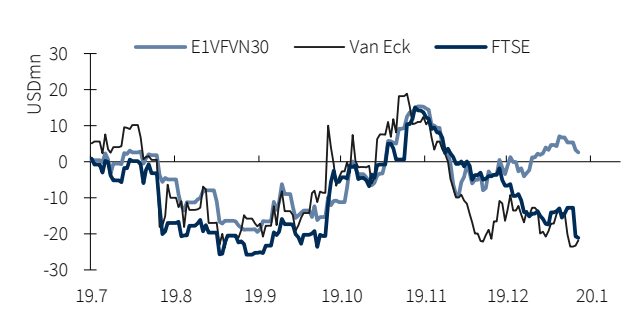
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

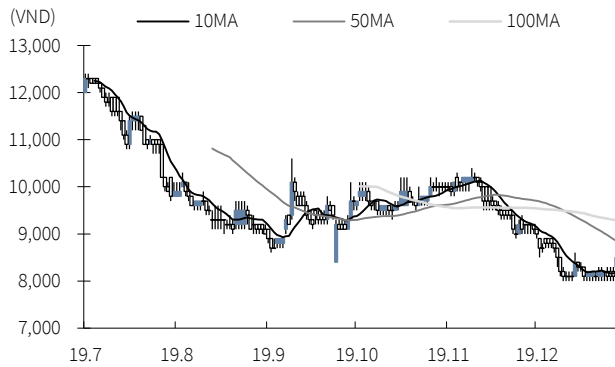
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

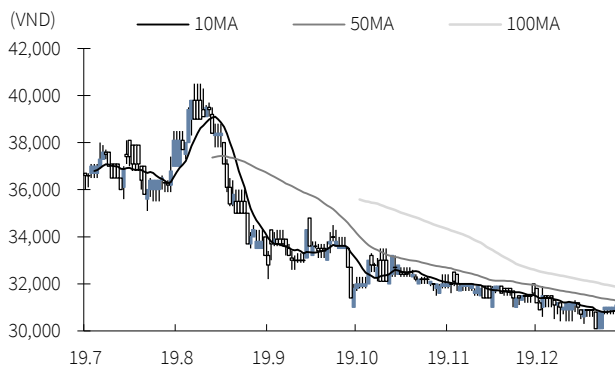
Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR tăng 3.7% đóng cửa ở mức 8,500 VNĐ/cp.
- BSR ước doanh thu 2019 đạt 102,985 tỷ đồng, lãi sau thuế 2,200 tỷ đồng. Như vậy, công ty đã vượt lần lượt 5% kế hoạch doanh thu và 89% kế hoạch lợi nhuận đặt ra cho năm 2019. Đối với kế hoạch năm 2020, BSR kỳ vọng đạt sản lượng sản xuất hơn 5.56 triệu tấn dầu, doanh thu 80,315 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1,289 tỷ đồng.

Bảo hiểm Dầu khí (PVI)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PVI tăng 0.3% đóng cửa ở mức 31,100 VNĐ/cp.
- PVI ước tổng doanh thu hợp nhất năm 2019 đạt 10,958 tỷ đồng, hoàn thành 100.3% kế hoạch và tăng 6% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước đạt 990 tỷ đồng, vượt 28.2% kế hoạch và tăng 33% so với cùng kỳ. Lãnh đạo công ty dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019 tối thiểu 20%, đây cũng là mức cổ tức kế hoạch đặt ra từ đầu năm.

Sản lượng thép xây dựng tháng 12 của Hòa Phát (HPG:HOSE)

Tiếp tục tăng trưởng mạnh thị trường phía Nam

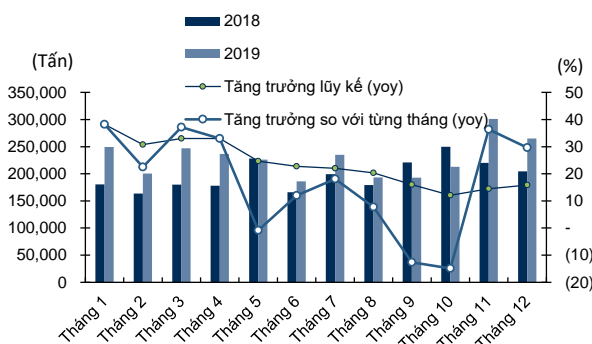
Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tháng 12/2019 của Hòa Phát đạt 285,000 tấn, lũy kế cả năm 2019 đạt 2.77 triệu tấn.

— Tháng 12/2019, Hòa Phát đã tiêu thụ 285,000 tấn thép xây dựng, tăng 41% so với tháng trước và tăng 33.7% so với tháng 12/2018. Lũy kế cả năm 2019, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đạt 2.77 triệu tấn thép xây dựng tăng trưởng 16.8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, có trên 265,000 tấn xuất khẩu, tăng trưởng 81.8% so với năm 2018. Với kết quả trên, thị phần thép xây dựng của Hòa Phát vẫn tiếp tục được cải thiện lên mức 25.5%, tăng 1.8% so với mức 23.8% của năm 2018.

— Lũy kế cả năm 2019, Hòa Phát cũng đã tiêu thụ được 478.55 nghìn tấn thép xây dựng tại thị trường phía Nam, gấp hơn 2 lần so với con số 231.76 nghìn tấn của năm 2018. Sản phẩm thép xây dựng của HPG được tiêu thụ mạnh cả ở khu vực dân dụng và dự án. Trong đó, các tháng 11/2019 và 12/2019 có sản lượng tiêu thụ tăng trưởng đột biến lên 70 – 80 nghìn tấn/tháng so với các tháng trước hay cùng kỳ năm trước chỉ khoảng hơn 30 tấn/tháng. Thép Hòa Phát tăng trưởng mạnh ở thị trường miền Nam thời gian gần đây do được tăng cường cung cấp hàng từ khu Liên hiệp gang thép Dung Quất. Với việc Khu liên hiệp có vị trí địa lý đặc địa và cảng nước sâu có thể cho phép tàu trọng tải trên 200,000 tấn có thể cập bến thì việc cung ứng thép thành phẩm tới các thị trường tiêu thụ là rất thuận lợi. Trước đây, hàng đi từ Khu liên hiệp Gang thép Hải Dương vào đến miền Nam phải mất hơn 7 ngày, nhưng hiện nay, nếu hàng đi từ Dung Quất chỉ mất khoảng 3 ngày. Để đẩy mạnh chiếm lĩnh thị trường phía Nam, Hòa Phát đã chuẩn bị thêm hệ thống kho bãi, cầu cảng, củng cố và phát triển hệ thống phân phối.

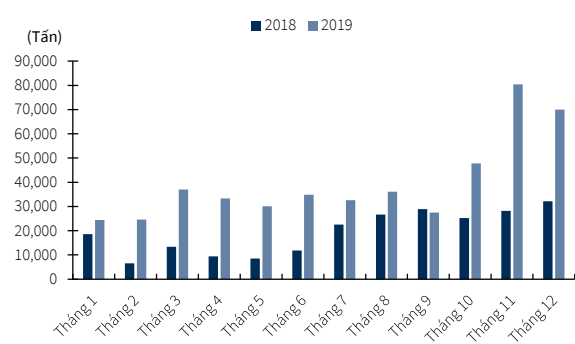
— Hiện nay, Khu liên hiệp gang thép Dung Quất đã chạy thử nghiệm toàn bộ giai đoạn 1, và hoàn thành trên 80% giai đoạn 2. Dự kiến toàn bộ hai giai đoạn sẽ đi vào hoạt động đồng bộ từ cuối quý 2/2020. Theo thông tin từ phía ban lãnh đạo của Hòa Phát, kế hoạch năm 2020, Hòa Phát sẽ tiêu thụ 3.6 triệu tấn thép xây dựng, tăng khoảng 30% so với sản lượng năm 2019. Trong đó, Hòa Phát đặt kế hoạch sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tại thị trường phía Nam sẽ đạt 1 triệu tấn, hơn gấp đôi so với năm 2019, đưa thị phần thép xây dựng của Hòa Phát tại thị trường này sẽ khoảng gần 30%, so với mốc 14% của năm 2019. Theo chúng tôi, đây là mục tiêu tham vọng, nhưng với rất nhiều lợi thế của khu Liên hiệp gang thép Dung Quất, chúng tôi tin Hòa Phát sẽ hoàn thành được mục tiêu này.

Biểu đồ 1. Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng Hòa Phát theo tháng



Nguồn: HPG, KBSV Research

Biểu đồ 2. Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng Hòa Phát theo tháng tại thị trường phía Nam



Nguồn: HPG, KBSV Research

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

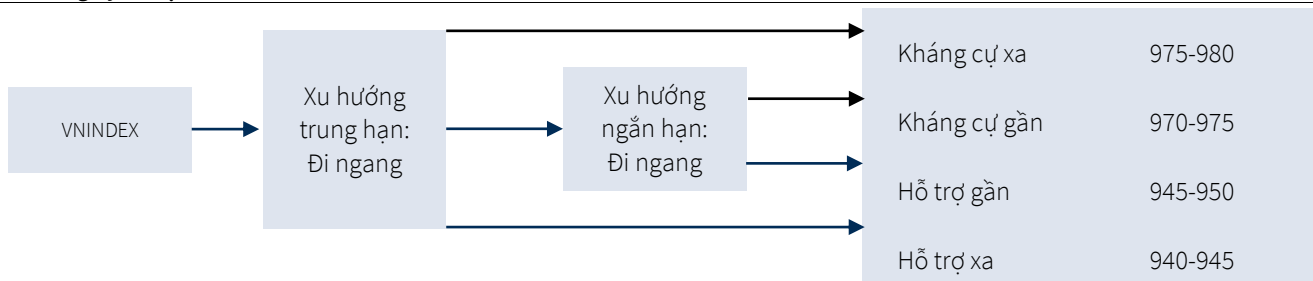
Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua nhịp sụt giảm khá tiêu cực với việc mở gap giảm cùng mức giảm xuống mức thấp nhất trong 2 tuần qua.
- Mẫu nến tiêu cực khiến chỉ số có thể sẽ tiếp tục giảm điểm về vùng hỗ trợ mạnh, quanh đáy cũ 945-950.
- NĐT được khuyến nghị trải thêm tỷ trọng khi chỉ số xuống tới vùng hỗ trợ đã đề cập, với kì vọng dài đi ngang tháng 12 không bị phá vỡ.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Tương tự VNIndex, chỉ số VN30 cũng giảm điểm mạnh trong phiên hôm nay sau khi thất bại ở vùng kháng cự 890 trước đó.
- Độ lệch âm đã được thu hẹp phản ánh tâm lý ổn định của NĐT. Tuy nhiên, rủi ro lui về vùng đáy hỗ trợ cũ 960-965 đang gia tăng.
- NĐT được khuyến nghị có thể mở trạng thái LONG tại vùng hỗ trợ mạnh 960-965 của chỉ số VN30 đề cập ở trên.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

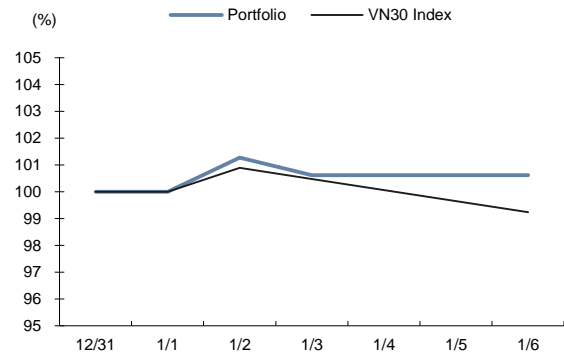
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.24%	-0.19%
Tăng lũy kế (YTD)	-0.76%	0.62%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/01/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	114,700	-0.5%	-0.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,700	-1.1%	1.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	85,800	-12%	14.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	20,950	-14%	6.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	36,450	-0.1%	7.1%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	57,000	-10%	48.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
PV Drilling (PVD)	06/01/2020	15,850	0.0%	0.0%	- Kỳ vọng đã hồi phục của giá dầu tiếp diễn - Giá thuê dàn khoan theo ngày đang có xu hướng tăng trở lại - Khả năng tiếp tục thu hồi được 1 phần nợ xấu trong năm 2020
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	17,300	-1.7%	-8.4%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,000	-0.6%	3.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	19,000	5.0%	6.4%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.6%	38.0%	26.4
E1VFN30	-0.7%	98.9%	25.1
MSN	-1.6%	39.0%	16.8
ROS	-6.9%	3.8%	15.1
VNM	-0.8%	58.6%	14.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-2.1%	14.9%	-34.1
VIC	-0.7%	14.8%	-20.5
VCB	-2.7%	23.9%	-17.2
POW	-3.0%	13.7%	-8.8
PVD	4.3%	19.9%	-8.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	1.3%	11.8%	1.2
LAS	0.0%	5.3%	0.4
IDV	-0.3%	14.1%	0.3
BVS	-1.0%	28.0%	0.2
VCS	-3.7%	2.2%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	5.0%	21.6%	-3.2
CEO	-3.3%	15.9%	-1.0
HUT	-4.2%	23.2%	-0.4
PVC	2.9%	12.8%	-0.2
INN	-1.4%	10.0%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	2.7%	TCH, DRC
Dầu khí	2.5%	PLX, PVD
Truyền thông	1.4%	PNC, YEG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.3%	GEX, LGC
Tài nguyên Cơ bản	1.0%	HPG, NKG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-4.5%	ROS, DPG
Bảo hiểm	-2.5%	BVH, PGI
Công nghệ thông tin	-1.8%	FPT, SGT
Bất động sản	-1.7%	VHM, NVL
Ngân hàng	-1.7%	VCB, TCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	11.2%	TCH, DRC
Ngân hàng	4.9%	BID, VCB
Bảo hiểm	2.9%	BVH, BIC
Công nghệ thông tin	2.6%	FPT, SAM
Bán lẻ	2.4%	MWG, SBV

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-11.1%	ROS, CTD
Hóa chất	-9.1%	PHR, AAA
Bất động sản	-4.2%	VHM, VIC
Y tế	-3.6%	DHG, DBD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.7%	PPC, POW

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	114,500	385,702 (16,642)	55,112 (2.4)	21.9	78.8	44.8	44.1	5.5	7.8	4.9	4.4	-0.7	-0.6	-1.2	-0.4
	VHM	VINHOMES JSC	83,400	274,345 (11,837)	69,124 (3.0)	34.1	14.5	10.4	35.0	33.5	35.9	4.7	3.2	-2.1	-1.3	-9.3	-1.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	33,650	76,464 (3,299)	70,542 (3.0)	16.1	28.3	22.2	18.3	9.6	10.8	2.6	2.4	-2.7	0.7	-2.7	-1.0
	NVL	NOVA LAND INVES	55,800	54,100 (2,334)	17,705 (0.8)	31.6	18.1	17.2	-4.3	14.6	12.1	2.3	-	-0.4	-3.6	-2.1	-6.2
	KDH	KHANGDIENHOUSE	26,500	14,427 (622)	7,943 (0.3)	4.5	15.5	11.9	20.7	12.9	15.0	1.9	1.7	0.4	-1.5	-2.0	-1.5
	DXG	DAT XANH GROUP	13,700	7,202 (307)	21,742 (0.9)	3.5	5.0	4.8	3.3	18.6	18.2	0.9	0.9	-1.4	-6.2	-1.4	-5.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	87,500	324,527 (14,002)	48,557 (2.1)	6.1	19.8	15.4	24.5	24.5	24.5	4.0	3.1	-2.7	-3.3	3.1	-3.0
	BID	BANK FOR INVESTM	45,800	184,208 (7,948)	36,454 (1.6)	12.0	29.2	20.9	15.9	12.2	14.1	2.4	2.2	-1.9	-0.9	15.5	-0.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	23,050	80,678 (3,481)	24,361 (1.1)	0.0	8.6	7.3	8.2	16.7	16.4	1.3	1.1	-2.5	-0.6	-0.4	-2.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	21,350	79,495 (3,430)	48,967 (2.1)	0.5	10.7	8.6	30.5	11.9	13.4	1.1	0.9	0.2	3.4	5.2	2.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	19,950	48,633 (2,098)	29,712 (1.3)	0.0	6.3	5.2	13.0	20.6	20.6	1.2	1.0	-2.2	1.3	1.8	-0.3
	MBB	MILITARYCOMMERC	20,950	48,723 (2,102)	68,059 (2.9)	0.0	6.4	5.6	17.9	21.0	20.9	1.3	1.1	-1.4	0.2	-4.1	0.7
	HDB	HDBANK	27,000	26,487 (1,143)	36,135 (1.6)	6.6	8.3	7.1	12.8	18.7	19.5	1.4	1.3	-2.0	0.0	-2.9	-2.0
	STB	SACOMBANK	10,050	18,127 (782)	19,977 (0.9)	11.5	8.3	6.2	56.6	8.6	10.3	0.7	0.6	-1.5	-1.0	0.5	0.0
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,150	17,482 (754)	2,977 (0.1)	0.0	7.0	5.5	33.5	21.8	22.4	1.4	1.1	-1.6	0.2	-2.5	0.5
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,500	21,515 (928)	1,485 (0.1)	0.0	28.0	27.2	9.4	5.1	8.0	1.4	1.3	1.4	3.6	3.2	-1.7
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	67,600	50,181 (2,165)	16,010 (0.7)	20.6	39.3	29.5	19.2	8.3	9.6	2.8	2.6	-1.5	-1.7	2.7	-1.5
	BMI	BAOMINHINSURANC	25,500	2,330 (101)	730 (0.0)	11.5	13.7	-	-	7.9	-	-	-	-0.6	1.2	-1.0	2.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	18,200	9,247 (399)	20,568 (0.9)	45.1	4.5	4.1	33.9	9.6	10.5	0.9	0.8	-0.3	0.6	-6.7	0.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	28,600	4,700 (203)	1,456 (0.1)	63.0	7.6	7.9	-14.5	16.0	13.9	1.1	1.0	-1.4	-4.0	-9.2	-3.1
	HCM	HOCHIMINH CITY	20,850	6,370 (275)	14,801 (0.6)	43.3	17.7	12.3	-16.4	9.8	11.5	1.5	1.4	-1.7	-2.6	-12.8	-2.3
	VND	VN DIRECT SECURIT	14,300	2,982 (129)	2,578 (0.1)	8.7	9.4	8.2	-4.2	11.4	12.3	0.9	0.9	-0.7	-0.7	3.2	-0.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	117,400	204,438 (8,821)	90,242 (3.9)	41.4	21.0	19.8	6.9	39.0	38.7	7.3	6.7	-0.8	-0.7	0.9	0.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	223,800	143,519 (6,192)	6,456 (0.3)	36.7	28.5	23.1	25.1	33.5	36.0	8.5	7.4	-0.4	-2.9	-3.9	-1.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	56,600	66,162 (2,855)	76,707 (3.3)	10.0	14.8	13.2	-4.6	14.3	13.8	1.9	1.7	-1.6	-0.5	-9.4	0.2
HNG	HOANG ANH GIA LA	14,200	15,741 (679)	4,417 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	0.4	-2.1	2.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	146,000	76,480 (3,300)	58,698 (2.5)	10.5	13.8	12.6	10.1	38.7	37.8	4.8	3.9	-1.4	1.7	1.1	-0.1
	GMD	GEMADEPT CORP	22,250	6,607 (285)	4,996 (0.2)	0.0	12.0	11.2	-44.5	9.5	9.7	1.1	1.0	-2.2	-5.3	-2.4	-4.5
	CII	HOCHIMINH CITY	23,000	5,700 (246)	4,748 (0.2)	19.0	11.2	10.2	147.6	11.0	12.2	-	-	-0.4	4.5	0.0	2.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	14,100	8,003 (345)	587,434 (25.3)	45.2	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	-29.3	-43.6	-18.5
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,500	10,009 (432)	12,370 (0.5)	33.5	8.2	10.3	-2.5	13.2	13.3	1.6	1.4	6.8	5.7	2.5	5.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	52,600	4,013 (173)	4,059 (0.2)	1.4	6.0	6.3	-30.7	8.6	7.8	0.5	0.4	-1.3	-2.4	-19.6	2.5
	REE	REE	36,450	11,301 (488)	21,901 (0.9)	0.0	6.4	6.3	0.4	16.7	15.8	1.1	1.0	-0.1	1.5	1.3	0.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	97,800	187,184 (8.076)	23,092 (1.0)	45.4	15.5	15.4	2.5	25.8	25.5	3.8	3.6	3.2	0.8	-0.2	4.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	21,400	6,161 (266)	4,563 (0.2)	30.3	8.3	8.6	-2.6	19.8	18.4	1.6	1.6	-0.2	-1.4	-4.9	-1.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,700	8,240 (356)	6,697 (0.3)	32.8	9.1	9.0	-9.1	16.5	16.3	1.4	1.4	0.6	-5.9	-9.5	-4.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOAPHAT GRP JSC	24,000	66,266 (2,859)	131,307 (5.7)	11.0	9.3	7.5	2.5	16.8	18.0	1.4	1.2	-0.6	1.9	0.6	2.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	12,700	4,970 (214)	3,458 (0.1)	30.1	19.7	11.2	-16.2	3.5	6.2	0.6	0.6	-0.8	-3.8	-3.1	-1.9
	DCM	PETROCA MAU FER	6,300	3,335 (144)	1,257 (0.1)	46.6	8.4	10.2	-	6.4	5.3	0.5	0.5	-1.7	-5.3	-7.2	-3.1
	HSG	HOA SENG GROUP	8,020	3,394 (146)	30,201 (1.3)	31.2	9.0	6.8	-6.4	6.7	8.0	0.5	0.5	0.5	2.0	-0.1	2.7
	AAA	ANPHAT BIOPLAST	12,300	2,106 (091)	22,647 (1.0)	37.1	5.5	5.5	49.2	16.4	16.3	0.7	0.7	-3.1	-4.7	-13.4	-3.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	57,300	68,234 (2,944)	9,821 (0.4)	6.6	17.1	16.5	11.9	19.0	19.3	3.2	3.2	0.4	1.6	1.6	2.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	15,850	6,675 (288)	31,621 (1.4)	29.1	41.4	30.1	21.2	1.3	1.8	0.5	0.5	4.3	5.7	5.7	5.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,600	4,672 (202)	3,726 (0.2)	17.0	7.2	6.7	6.9	13.4	13.8	0.9	0.8	1.5	-0.9	-1.8	-1.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	114,700	50,777 (2,191)	58,885 (2.5)	0.0	13.7	10.9	25.4	35.9	33.7	4.2	3.2	-0.5	1.1	3.5	0.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	85,800	19,321 (834)	41,578 (1.8)	0.0	17.4	14.4	20.7	27.8	28.2	4.2	3.4	-1.2	-0.8	4.4	-0.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	37,900	1,118 (048)	869 (0.0)	68.0	-	22.8	-40.0	-4.1	3.6	0.8	0.8	2.4	0.5	-5.0	2.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	22,000	1,738 (075)	1,989 (0.1)	1.4	5.4	5.1	0.0	25.7	22.8	1.3	1.1	-3.1	-2.7	-19.7	4.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	39,100	5,298 (229)	26,304 (1.1)	42.9	4.9	4.9	31.3	30.8	35.3	1.7	1.5	-3.0	-3.3	-27.9	2.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	91,200	11,924 (514)	1,329 (0.1)	45.6	20.0	18.8	4.0	20.1	20.0	3.6	3.4	0.0	-1.4	-2.6	-0.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	53,000	3,976 (172)	485 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-1.9	-1.7	-2.4
IT	FPT	FPT CORP	57,000	38,662 (1,668)	67,217 (2.9)	0.0	12.3	10.4	25.3	24.2	25.1	2.6	2.3	-1.0	-1.0	3.6	-2.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
conglt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfng.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.